

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW) và Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28/11/2023 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phổ biến, học tập, quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị cao của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của toàn xã hội trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Kịp thời cụ thể hóa đầy đủ quan điểm chỉ đạo, các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 29-NQ/TW bằng những chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, lộ trình thực hiện phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo, các định hướng lớn, mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp chủ yếu đã nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 24/02/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát

triển công nghiệp tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường giai đoạn 2021-2025; quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động phải bảo đảm toàn diện, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nội dung Chương trình hành động tổ chức triển khai thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất; đề cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương để hoàn thành toàn diện mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một yêu cầu tất yếu khách quan trong tình hình mới; là nhiệm vụ trung tâm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là nhân tố mang tính quyết định đưa tỉnh Yên Bái phát triển nhanh, bền vững theo hướng “*Xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc*”, trở thành tỉnh phát triển khá và hướng tới là tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của tỉnh và của từng vùng, từng địa phương trong tỉnh; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có thế mạnh của tỉnh, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: Công nghiệp chế biến nông, lâm sản; chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ du lịch, đào tạo nghề... Coi phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là then chốt; chuyển đổi số là

phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gắn với phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP của tỉnh là ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ mũi nhọn, có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn lực bên trong là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước là động lực chính, chủ đạo, doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam và truyền thống của giai cấp công nhân, vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ trí thức và doanh nhân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp nhanh, bền vững; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp, phát triển các sản phẩm có thế mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; đưa công nghiệp thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, mang lại giá trị gia tăng cao. Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng lưới điện, thông tin liên lạc, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, logistics, hạ tầng số... đồng bộ, hiện đại, liên thông thông suốt.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030:

+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) bình quân đạt khoảng 8,5%/năm. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 14,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 39,0%; khu vực dịch vụ chiếm 41,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,7%. GRDP bình quân đầu người đạt 125 triệu đồng.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 35.000 tỷ đồng; tỷ trọng công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt trên 30%.

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp của toàn ngành công nghiệp tăng bình quân khoảng 9%/năm, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng bình quân khoảng 10%/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 50%; tỷ lệ lao động khu vực công nghiệp, dịch vụ trong tổng lao động xã hội đạt trên 55%; tỷ trọng lao động nông nghiệp dưới 45%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 15.000 lao động nông thôn.

+ Kinh tế số chiếm 30% GRDP; xây dựng chính quyền số, nằm trong nhóm 20 tỉnh dẫn đầu của cả nước; trên 80% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số; ít nhất 80% người dân trưởng thành có thể sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

+ Phát triển hệ thống khu, cụm công nghiệp có quy mô khoảng 2.000 ha bên hữu ngạn sông Hồng, dọc theo tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Đến năm 2030, tỷ lệ lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp đạt bình quân chung khoảng 65 - 70%.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 28-30%.

+ Hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trọng điểm của tỉnh, nâng cấp các tuyến hiện có, phát triển giao thông nông thôn; phối hợp thực hiện để sớm hoàn thành các tuyến cao tốc, đường sắt mới, đường thủy nội địa; hoàn thành hệ thống lưới điện 500 kV, 220 kV, 110 kV theo quy hoạch, bảo đảm 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh đều có điện.

- *Tầm nhìn đến năm 2045:*

Tỉnh Yên Bái cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là tỉnh có công nghiệp phát triển, nằm trong nhóm các tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành công nghiệp của tỉnh

- Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững, tạo ra sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành công nghiệp, dịch vụ mũi nhọn, có thế mạnh của tỉnh như: công nghiệp chế biến, chế tạo, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, dịch vụ du lịch. Chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp

thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp; cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân; cụ thể hóa các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp trong việc tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng và hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công nghiệp hóa, hiện đại hóa (như: thể chế, chính sách về phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị và nông thôn, phát triển bền vững, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển nhân lực...).

- Hoàn thiện các thể chế, chính sách, tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghiên cứu, đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các chính sách ưu đãi đặc thù, cạnh tranh để thu hút các dự án lớn, trọng điểm đầu tư vào tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao năng lực và trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành trong thẩm định, lựa chọn dự án, cấp phép đầu tư; phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án

theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai, vùng nguyên liệu, điện, nước, lao động; hỗ trợ các thủ tục liên quan đến chứng nhận chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kê khai hải quan, thuế... Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để giúp các doanh nghiệp nắm vững, chủ động phát triển sản xuất kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Xây dựng ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường theo Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 24/02/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đầu tư chuyên giao công nghệ tiên tiến, hiện đại. Phân bố không gian phát triển công nghiệp trong quy hoạch tỉnh hợp lý, hiệu quả, gắn với vùng nguyên liệu, các vùng động lực của tỉnh, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, liên tỉnh.

- Thành lập và đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh các khu, cụm công nghiệp, các khu phức hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy mô vừa theo quy hoạch; phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho các ngành công nghiệp mũi nhọn, nhất là các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, gỗ rừng trồng; chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; điện sinh khối.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư để phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có triển vọng phát triển và khả năng cạnh tranh cao, gồm: công nghiệp chế biến nông, lâm sản, gỗ rừng trồng; chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp chế tạo; công nghiệp hỗ trợ các ngành: điện tử, thiết bị điện, phụ tùng máy nông nghiệp, dệt may, da giày... Tích cực thu hút các nhà đầu tư FDI để thực hiện các dự án kết hợp chuyên giao công nghệ, nội địa hóa.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; đẩy nhanh xây dựng

hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, phát triển và nâng cấp các sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP. Hình thành một số cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung như tại các huyện: Yên Bình, Văn Yên, Văn Chấn, Trấn Yên, Lục Yên. Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa chuỗi cung ứng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động tại các ngành công nghiệp, dịch vụ; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hóa, thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng thí điểm một số mô hình nông thôn mới thông minh.

- Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá truyền thống. Chú trọng đào tạo, tôn vinh nghệ nhân ở nông thôn. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa phương; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ của Trung ương; tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển dịch vụ công nghệ cao; đẩy mạnh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế, tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ có lợi thế và có hàm lượng tri thức, công nghệ cao như: Du lịch, thương mại, đào tạo nghề, y tế và chăm sóc sức khỏe, công nghệ thông tin, logistics... Ưu tiên các dự án có kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại; nhà đầu tư có thương hiệu và năng lực, tạo ra một số sản phẩm đặc trưng, khác biệt của tỉnh để dẫn dắt, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp trong tỉnh.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, các ngành có năng suất và giá trị gia tăng cao nhờ ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại cùng với đẩy mạnh chuyển

đổi số trong mọi lĩnh vực; thúc đẩy phát triển các ngành chế biến, chế tạo, một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; từng bước giảm tỷ trọng các ngành có năng suất lao động và giá trị gia tăng thấp, sử dụng công nghệ lạc hậu.

- Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao của tỉnh. Tiếp thu, làm chủ công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ; chủ động xây dựng các giải pháp, công nghệ để phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác về công nghệ, tiến tới nghiên cứu phát triển công nghệ mới trong một số lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, thế mạnh và còn dư địa lớn; ứng dụng công nghệ vào phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm, dịch vụ mới, thực hiện chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tiếp tục củng cố, đầu tư đổi mới với tổ chức khoa học và công nghệ công lập hiện có trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với các định hướng ưu tiên về lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Tập trung thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, đồng thời với nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ.

- Thực hiện hiệu quả các chiến lược quốc gia về giáo dục, đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục sắp xếp hợp lý mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo. Tổ chức đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, lao động có kỹ năng, chuyên môn cao; triển khai các chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật trong các ngành công nghiệp, dịch vụ ưu tiên, mũi nhọn. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng tỷ lệ lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đào tạo mới thích ứng với quá trình chuyển đổi số.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị hóa nhanh, bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành công nghiệp.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, từ khâu quy hoạch đến đầu tư xây dựng, khai thác vận hành. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng; hạ tầng đô thị, các khu, cụm công nghiệp; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng kết nối đô thị với nông thôn để tạo không gian phát triển mới.

- Tập trung khai thác có hiệu quả các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy hiện có. Phối hợp tốt với các bộ, ngành và địa phương liên quan trong triển khai thực hiện dự án mở rộng tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn tuyến Yên Bái - Lào Cai; các tuyến đường tỉnh mới kết nối với các tỉnh lân cận và cao tốc Nội Bài - Lào Cai; dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, các tuyến đường thủy nội địa dọc theo sông Hồng, sông Chảy. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền chuyển đổi sân bay Yên Bái sang hoạt động theo hình thức lưỡng dụng và bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đa dạng hóa phương thức, nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, coi đây là khâu đột phá để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp. Phát triển một số khu, cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện Trấn Yên, Văn Yên, thành phố Yên Bái với quy mô diện tích khoảng 2.000 ha bên hữu ngạn sông Hồng, dọc theo tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (tại các nút giao IC12, IC13, IC14, IC15); đồng thời, phát triển hợp lý một số khu, cụm công nghiệp tại các huyện Yên Bình, Lục Yên, Văn Chấn.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng điện đồng bộ, cung cấp đủ điện, an toàn, tin cậy và hiệu quả, trong đó chú trọng phát triển lưới điện trung áp, hạ áp, hoàn thành dự án cấp điện nông thôn.

- Tập trung thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa phát triển hạ tầng thương mại nhất là khu vực nông thôn theo hướng văn minh hiện đại gắn với nhu cầu phát triển từng địa phương; nâng cấp hệ thống các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, tiện ích, kinh doanh xăng dầu, khí đốt... đảm bảo đáp ứng nhu cầu về hàng hóa của thị trường.

- Triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số.

- Quan tâm phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng địa phương trong tỉnh; chú trọng quy hoạch, đầu tư hệ thống công trình hạ tầng văn hóa - xã hội phù hợp với quá trình đô thị hoá và sự phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng nông thôn mới tại các huyện, thị, thành phố.

- Thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; từng bước xây dựng hệ thống đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bản sắc, có tính kết nối cao với mạng lưới đô thị trong vùng và gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nghiên cứu, phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt chủ trương của Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút FDI.

- Thực hiện hiệu quả các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư. Quy hoạch và tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, nhất là khu vực phía hữu ngạn sông Hồng, kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Thu hút đầu tư một số dự án có quy mô lớn vào các khu, cụm công nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp có năng lực đầu tư các dự án logistics, thực hiện các dịch vụ hỗ trợ: kho bãi, bảo quản, sửa chữa, vận tải, dịch vụ hải quan... theo hướng liên thông, thuận lợi.

- Xác định rõ mục tiêu, giải pháp để triển khai thu hút đầu tư theo các tiêu chí phân cấp, phân quyền thu hút FDI giữa Trung ương và địa phương; coi trọng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên thu hút FDI vào các dự án công nghiệp công nghệ cao như sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; lắp ráp, sản xuất linh kiện, phụ tùng; sản xuất một số sản phẩm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, thiết bị cơ khí, điện tử; phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt, may, da giày...

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng nhanh, bền vững

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất sạch hơn, chế biến sản phẩm hữu cơ, xanh hóa hoạt động công nghiệp; triển khai các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; đa dạng hóa hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư. Tập trung vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; thực hiện các chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Thực hiện phân bổ vốn đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho các công trình hạ tầng quan trọng, cấp thiết, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

- Xây dựng, ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ các doanh nghiệp quy mô nhỏ và rất nhỏ, hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ được tiếp cận vay vốn của các tổ chức tín dụng. Tích cực vận động các gói tín dụng, vốn vay ưu đãi dài hạn để triển khai mạnh mẽ, liên tục và đồng bộ các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn như một cách hỗ trợ (gián tiếp) phát triển ngành công nghiệp.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường nội địa

- Khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả; quan tâm phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với chủ trương, định hướng của Trung ương và điều kiện, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dự báo, chủ động ứng phó giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện,

nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung, xử lý chất thải rắn tại các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện di dời theo lộ trình các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch. Đến năm 2025, hoàn thành di dời cụm công nghiệp Đầm Hồng ra khỏi khu vực trung tâm thành phố Yên Bái.

- Hạn chế chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án công nghiệp nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp, các dự án tác động lớn đến môi trường để đảm bảo công tác xử lý, bảo vệ môi trường. Đối với các địa bàn có khoảng cách xa với các khu, cụm công nghiệp thì định hướng quy hoạch các điểm công nghiệp tập trung gần với vùng nguyên liệu. Khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên liệu và năng lượng vào sản xuất công nghiệp. Kiên quyết xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục triển khai kịp thời, đồng bộ các nghị quyết, chương trình của Trung ương liên quan đến lĩnh vực hội nhập quốc tế. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững; tăng cường, mở rộng các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của kinh tế địa phương.

- Tăng cường công tác vận động tài trợ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để tranh thủ tìm kiếm đối tác tài trợ; trong đó, tập trung kêu gọi nguồn vốn của các tổ chức đa phương, song phương như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA)... cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, y tế, giáo dục, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Sử dụng có hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn NGO và các nguồn vốn viện trợ khác.

- Triển khai thực hiện chương trình xúc tiến thương mại; kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Yên Bái; chương trình hành động thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, UKVFTA...) nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường, tận dụng và phát huy hiệu quả cơ hội từ các hiệp định. Quan tâm thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại, các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Yên Bái, xây dựng lực lượng lao động tiên tiến, có tay nghề cao; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện tốt an sinh xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 37/KH-TU ngày 09/6/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng con người Yên Bái “*Thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*” góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng tỉnh Yên Bái phát triển nhanh và bền vững theo hướng “*Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*”, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Yên Bái.

- Xây dựng đội ngũ trí thức của tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết, năng động, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm cao trong hoạt động nghề nghiệp, đối với xã hội và cộng đồng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển; có cơ chế, chính sách thu hút những trí thức có đức, có tài, có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại tỉnh; khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ doanh nhân và những người sản xuất kinh doanh của tỉnh có kỹ năng quản trị, tư duy đổi mới, tinh thần hội nhập và khát vọng cống hiến. Xây dựng đội ngũ công nhân có bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Ưu tiên quỹ đất và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai các dự án xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất; chú trọng đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân.

- Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề. Xây dựng cơ chế tiếp nhận nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề để xây dựng phương án tuyển chọn, đào tạo, cung ứng lao động ngay từ khi doanh nghiệp, nhà đầu tư bắt đầu triển khai dự án trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng

học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông; tích cực đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn, bao gồm: cơ sở vật chất kỹ thuật; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên; chương trình và nội dung đào tạo, với trọng tâm hướng vào thực hành nghề, rèn luyện tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, phát triển các nghề mới theo nhu cầu của thị trường lao động.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ giảng viên, nghệ nhân giỏi, tâm huyết vào giảng dạy, truyền nghề trong các cơ sở đào tạo nghề. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho những người làm quản lý, quản trị trong các doanh nghiệp để chủ động thích ứng với biến động của thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến, hiện đại, hướng tới bao phủ toàn dân, nhất là về chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế; quan tâm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; khuyến khích và có chính sách ưu đãi phát triển đa dạng các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh căn cứ nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, trong đó, tiếp tục cụ thể hóa và phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình hành động; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị và Chương trình hành động này.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

4. Các đồng chí ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo phổ biến, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến chi bộ và trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nội dung theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng các Ban Trung ương Đảng,
- Các đảng đoàn, ban Cán sự đảng,
- Các Ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ngành, mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Đỗ Đức Duy